

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2025/HS-PT

Ngày: 17 - 9 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**

Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Thị Thơ**

Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông **Võ Mỹ Bình**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 238/2025/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Trung H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp).

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/9/1981, tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); CCCD: 082081002088; Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã N, tỉnh Đồng Tháp); Nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Phạm Thị K; Vợ: Huỳnh Thị Thanh T1; Bị cáo có 02 con sinh năm 2019 và 2021; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2000, bị cáo Nguyễn Trung H bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Hủy hoại tài sản công dân" (Bản án số 22/HSST ngày 09/5/2000). Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 02/9/2000.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà **Đương Thị Kim L**, là Luật sư, Văn phòng L1, Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

Địa chỉ: Số B, khu phố H, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo nhưng không có kháng cáo; Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5 năm 2024, thông qua mạng xã hội bị cáo Nguyễn Khắc Q đặt mua 02 khẩu súng, với giá 1.600.000 đồng, thanh toán và giao nhận qua nhân viên giao hàng. Sau đó, bị cáo Q cất giữ tại nhà thuộc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là xã N, tỉnh Đồng Tháp). Đến tháng 6 năm 2024, bị cáo Q tiếp tục mua 01 khẩu súng ngắn ổ quay màu đen, tay cầm màu nâu cùng 07 viên đạn với giá 2.500.000 đồng của người bạn tên “B” (không rõ họ tên, địa chỉ) ở huyện M, tỉnh Long An (nay là tỉnh Tây Ninh), về cất giữ chung với 02 khẩu súng trên. Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 28 tháng 8 năm 2024, bị cáo Nguyễn Khắc Q mang theo 01 khẩu súng đến nhà ông Trần Văn T2 để đe dọa đòi nợ do Trần Thị Thùy D (con ruột của ông T2) vay tiền của bị cáo Q trước đó. Khi ra về, bị cáo Q lấy tất cả 03 khẩu súng để vào túi nylon màu xanh, bên ngoài là túi nylon màu đen, đem đến nhà anh ruột là bị cáo Nguyễn Trung H nhờ bị cáo H cất giữ giùm. Sau khi nhận được túi nylon trên, bị cáo H mở ra kiểm tra, thấy bên trong có 03 khẩu súng ngắn màu đen, dạng súng ổ quay và đem vào phòng thứ hai tại nhà để cất giữ. Ngày 29 tháng 9 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tiến hành khám xét chỗ ở của H, phát hiện thu giữ tất cả 03 khẩu súng trên.

Tại Kết luận giám định số: 1138/KL-KTHS (Đ2) ngày 30/8/2024 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

- 01 khẩu súng ngắn, dạng ổ quay, màu đen, ốp tay cầm màu đen, có ký hiệu ZP-5, “MADE IN CHINA”, “SMITH & WESSON” là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng.
- 02 khẩu súng, đạn và khóa số 8 được kết luận không phải là vũ khí quân dụng.

Tại biên bản nhận dạng ngày 20 và 27 tháng 9 năm 2024, các bị cáo Nguyễn Khắc Q và Nguyễn Trung H xác định khẩu súng mà Cơ quan An ninh điều tra thu giữ được kết luận giám định là vũ khí quân dụng là khẩu súng mà bị cáo Q đã đưa cho bị cáo H cất giữ.

Đối với Phạm Thị K (mẹ các bị cáo); chị Huỳnh Thị Ngọc H1 (vợ bị cáo Q) và chị Huỳnh Thị Thanh T1 (vợ H) không biết việc cất giữ khẩu súng của các bị cáo nên Cơ quan An ninh điều tra, không khởi tố, xử lý là có căn cứ.

Đối với người đã bán súng cho bị cáo Nguyễn Khắc Q, do không xác định được đặc điểm nhân thân, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh khi nào có đủ căn cứ đề nghị xử lý sau.

* Bản án Hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp) quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Khắc Q, Nguyễn Trung H phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 (Một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Khắc Q, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 16 tháng 6 năm 2025, bị cáo Nguyễn Trung H có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

* Người bào chữa cho bị cáo phát biểu và đề nghị: Về tội danh bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, nên Luật sư thống nhất về tội danh đối với bị cáo. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, các khẩu súng không phải do bị cáo mua mà là của em ruột bị cáo nhờ cất giữ, vì thương em và kém hiểu biết pháp luật, bắt buộc bị cáo mới cất giữ. Hiện nay gia đình bị cáo gặp khó khăn, mẹ già bị bệnh, con còn nhỏ bị cáo là lao động chính trong gia đình. Nếu được xin Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo hoặc giảm nhẹ hình phạt, cụ thể phạt bị cáo 01 năm tù.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tội danh, cấp sơ thẩm kết luận bị cáo H phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có cơ sở. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo H, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo một năm sáu tháng tù là phù hợp và không nặng, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Qua đề nghị của Luật sư đề nghị Hội đồng xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận về hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát và bản án sơ thẩm. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật

chứng thu giữ, cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ kết luận: Khoảng tháng 5 năm 2024 đến ngày 28 tháng 8 năm 2024, thông qua mạng xã hội, Nguyễn Khắc Q mua khẩu súng ngắn có ký hiệu ZP-5, “MADE IN CHINA”, “SMITH & WESSON” về cất giữ tại nhà thuộc ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 28 tháng 8 năm 2024, Q đem khẩu súng trên đến nhà của Nguyễn Trung H nhờ cất giữ dùm. Qua giám định khẩu súng là vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự như vũ khí quân dụng và là vũ khí quân dụng. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, đe dọa đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tình tiết giảm nhẹ sau khi xảy ra vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Án sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù là phù hợp. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[6] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Trung H.

Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 30/2025/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Tháp)

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung H phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Trung H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ, nghiệp vụ CA tỉnh Đồng Tháp;
- TAND khu vực 4 - Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Công an xã Ngũ Hiệp - Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Ngọc Tuyên